

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107815	3	TRẦN NGỌC MINH ANH	23/08/2005	Nữ	9A1	7.75	4	3.75	0	27
2	107827	4	ĐẶNG GIA BẢO	24/08/2005	Nam	9A1	6	2	2.75	0	19.5
3	107863	5	HÀ BẢO CHÂU	05/11/2005	Nữ	9A1	8	7.75	3.5	1	31.75
4	107913	7	HÀU QUANG DINH	15/03/2005	Nam	9A1	8	5.5	5	1	32.5
5	107918	7	NGUYỄN ĐẶNG THÙY ĐOAN	30/07/2005	Nữ	9A1	8.25	8.25	4.75	0	34.25
6	107936	8	LÊ TẤN DŨNG	20/11/2005	Nam	9A1	6	4.5	5.5	0	27.5
7	107958	9	TẶNG LỆ DUYÊN	28/03/2004	Nữ	9A1	4.75	2.25	2.25	1	17.25
8	107981	10	HUỲNH DƯ BẢO HÂN	26/09/2005	Nữ	9A1	7.75	7.75	4.75	0	32.75
9	108007	11	HÀN GIA HẢO	09/10/2004	Nam	9A1	5	6.75	5	1	27.75
10	108027	12	NGUYỄN BUI MINH HIỆP	01/01/2005	Nữ	9A1	5.75	5.75	3.25	0	23.75
11	108049	13	VÕ NGUYỄN MINH HOÀNG	21/10/2005	Nam	9A1	7.25	3.25	4	0	25.75
12	108052	13	DIỆP GIA HUỆ	09/09/2005	Nữ	9A1	7.25	3	6	1	30.5
13	108053	13	TÔ GIA HUỆ	27/04/2005	Nữ	9A1	7	5.25	5.25	1	30.75
14	108093	15	LÝ MINH HUY	29/04/2005	Nam	9A1	6	6.5	3	1	25.5
15	108203	19	HỒ NGUYỄN TUẤN KIẾT	11/08/2004	Nam	9A1	5.25	3	2.75	0	19
16	108236	21	MÃ NHÃ LINH	13/08/2005	Nữ	9A1	7.75	8	7	1	38.5
17	108259	22	LƯƠNG ĐÌNH LUÂN	12/11/2005	Nam	9A1	6.5	2.25	1.75	0	18.75
18	108264	22	HUỲNH THỊ KHÁNH LY	02/12/2005	Nữ	9A1	6.75	4	2.5	0	22.5
19	108275	22	HỒ TUẤN MÃN	26/10/2005	Nam	9A1	7.25	7.5	8	1	39
20	108335	25	TRẦN BẢO NGÂN	29/05/2005	Nữ	9A1	7.75	7.75	6.25	1	36.75
21	108355	1	TRƯƠNG BẢO NGHI	29/10/2005	Nữ	9A1	7.25	6.5	4	1	30

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108381	2	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	09/09/2005	Nữ	9A1	7.75	4.75	4	0	28.25
23	108434	4	NGUYỄN HUỖNH ÁI NHI	17/09/2005	Nữ	9A1	7.75	4.5	7	1	35
24	108461	5	VÕ LÊ HẠNH NHƯ	21/09/2005	Nữ	9A1	6.5	3.75	2.75	0	22.25
25	108469	5	CHÂU TUẤN PHÁT	26/12/2005	Nam	9A1	6.25	7.25	5	1	30.75
26	108518	7	TRẦN ĐỨC PHÚC	25/12/2005	Nam	9A1	7.5	3.5	2.5	0	23.5
27	108613	11	LƯU BỘI TÂM	19/11/2005	Nữ	9A1	8.25	8.75	5	1	36.25
28	108638	12	ĐẶNG NGỌC THANH	15/05/2005	Nữ	9A1	7.25	2.75	6	1	30.25
29	108662	13	LÊ LƯU NGỌC THẢO	23/12/2004	Nữ	9A1	6	2.25	3	0	20.25
30	108664	14	LÊ THỊ THU THẢO	05/08/2005	Nữ	9A1	6.75	4.5	2	0	22
31	108688	15	NGUYỄN QUỐC THỊNH	06/12/2005	Nam	9A1	6.75	3.75	5.75	0	28.75
32	108701	15	LÊ HOÀNG THÔNG	11/03/2005	Nam	9A1	7.5	7	7.25	0	36.5
33	108788	19	LÊ THỊ ĐOAN TRANG	26/11/2005	Nữ	9A1	7	7.5	3.75	0	29
34	108852	21	TRẦN MỸ TUYẾT	15/11/2005	Nữ	9A1	4	3	2	1	16
35	108883	23	LƯƠNG HỮU VINH	18/10/2005	Nam	9A1	7.25	7.25	7.25	0	36.25
Tổng cộng có tất cả: 35 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107769	1	NGUYỄN PHÚC THIÊN ÂN	24/09/2005	Nữ	9A10	8.25	6.5	3.75	0	30.5
2	107777	2	ĐỖ TRƯỞNG MINH ANH	28/06/2005	Nữ	9A10	6.5	7.25	7.75	0	35.75
3	107790	2	LƯU HOÀNG NGỌC ANH	20/12/2005	Nữ	9A10	7	5.75	4.25	0	28.25
4	107807	3	PHẠM LÊ VÂN ANH	23/09/2005	Nữ	9A10	8	5.5	4.5	0	30.5
5	107857	5	TRƯƠNG HOÀNG BỬU	04/10/2005	Nam	9A10	7	8.5	7	0	36.5
6	107875	6	NGUYỄN NGỌC MINH CHI	23/07/2005	Nữ	9A10	7	6	5.25	0	30.5
7	107923	8	HUỲNH ĐẠT ĐỨC	31/07/2005	Nam	9A10	7	6.5	7	0	34.5
8	107965	9	TRẦN LÊ KHÁNH GIANG	01/06/2005	Nữ	9A10	6.25	6.5	7	0	33
9	107979	10	HÀ GIA HÂN	26/04/2005	Nữ	9A10	7.5	6.25	6	1	34.25
10	107992	11	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	12/12/2005	Nữ	9A10	7.25	7	6.25	0	34
11	108078	14	CỔ GIA HUY	29/05/2005	Nam	9A10	7.25	5.5	1.75	1	24.5
12	108087	14	LÂM QUỐC HUY	18/06/2005	Nam	9A10	5.5	7.5	3.5	1	26.5
13	108198	19	NGUYỄN PHÚC NHƯ KHƯƠNG	24/04/2005	Nữ	9A10	7.5	6.75	5.75	0	33.25
14	108208	20	TÔN TRẦN KIỆT	04/01/2005	Nam	9A10	6.25	4	6	1	29.5
15	108256	22	TRƯƠNG HOÀNG LONG	21/02/2005	Nam	9A10	6.25	5.75	3	0	24.25
16	108324	24	TRẦN PHƯƠNG NAM	05/12/2005	Nam	9A10	6.5	6.75	4.5	0	28.75
17	108326	24	ĐOÀN THÀNH NĂNG	24/09/2004	Nam	9A10	3.5	6.5	4	0	21.5
18	108352	1	NGUYỄN TRẦN HOÀNG NGHI	17/02/2005	Nam	9A10	6.75	8.75	1.75	0	25.75
19	108361	1	PHAN TRƯỜNG NGHĨA	05/06/2005	Nam	9A10	6.75	6.75	4.25	0	28.75
20	108380	2	NGUYỄN PHAN THẢO NGỌC	24/05/2005	Nữ	9A10	8.25	7.75	5.5	0	35.25
21	108389	2	TRỊNH KHÁNH NGỌC	23/06/2005	Nữ	9A10	7.25	5.75	4.75	0	29.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108402	3	TRẦN THỰC NGUYÊN	02/05/2005	Nữ	9A10	7.25	7.5	6.25	0	34.5
23	108448	5	LÊ BẢO NHƯ	13/12/2005	Nữ	9A10	7.5	3.75	3.75	0	26.25
24	108587	10	VÕ NGỌC DIỄM QUỲNH	08/10/2005	Nữ	9A10	6.75	6.25	8.25	0	36.25
25	108712	16	LÊ DƯƠNG HOÀI THƯ	30/08/2005	Nữ	9A10	6.75	3.75	3	0	23.25
26	108719	16	NGUYỄN MINH THƯ	28/08/2005	Nữ	9A10	6.5	7	6	0	32
27	108744	17	NGUYỄN HOÀNG VÂN THY	15/07/2005	Nữ	9A10	7.5	5	3.25	0	26.5
28	108774	18	TRƯƠNG NGUYỄN KIỀU TRÂM	08/06/2005	Nữ	9A10	6.5	6.5	4	0	27.5
29	108831	20	THI HÂN TÚ	29/05/2005	Nữ	9A10	7.5	5.25	4	1	29.25
30	108867	22	TÔ NGUYỄN THANH VÂN	18/10/2005	Nữ	9A10	7	7.75	3.75	0	29.25
31	108916	24	NGUYỄN THUẬN VY	30/11/2005	Nữ	9A10	7.25	5.75	6.25	0	32.75
32	108930	25	LÊ HỒNG YẾN	06/12/2005	Nữ	9A10	7.25	5.5	5	0	30
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107843	4	PHẠM ĐÌNH GIA BẢO	18/01/2005	Nam	9A11	6	8	5.75	0	31.5
2	107872	6	TRẦN NGỌC MINH CHÂU	02/11/2005	Nữ	9A11	7.25	8	5.25	0	33
3	108001	11	NGUYỄN THANH HẰNG	14/02/2005	Nữ	9A11	7.75	7.25	3.5	0	29.75
4	108024	12	ĐẶNG NGUYỄN MINH HIỀN	01/11/2005	Nam	9A11	6.25	9	7.25	0	36
5	108055	13	TRƯỜNG GIA HUỆ	12/07/2005	Nữ	9A11	8	7	5.5	1	35
6	108138	17	TÔ ÍCH KHANG	11/02/2005	Nam	9A11	7.25	9.25	8	1	40.75
7	108161	18	DƯƠNG MINH KHOA	27/08/2005	Nam	9A11	6.5	4.25	2.25	0	21.75
8	108175	18	VÕ NGỌC KHOA	04/07/2005	Nam	9A11	7.25	7	3.75	0	29
9	108213	20	TRẦN LÊ THIÊN KIM	27/03/2005	Nữ	9A11	8.75	7.25	4.25	0	33.25
10	108298	23	VŨ NGUYỄN BẢO MINH	27/06/2005	Nam	9A11	7.5	8.75	8.25	0	40.25
11	108384	2	NGUYỄN THIÊN BẢO NGỌC	09/05/2005	Nữ	9A11	8	6.25	6.5	0	35.25
12	108398	2	NGUYỄN THANH NGUYỄN	05/05/2005	Nam	9A11	6.5	4.75	4.75	0	27.25
13	108405	3	PHẠM NGUYỄN	07/02/2005	Nam	9A11	6.75	6.5	3.75	0	27.5
14	108474	6	LÝ GIA PHÁT	16/05/2005	Nam	9A11	7.5	6	7	1	36
15	108543	8	PHÙNG ĐÌNH PHƯƠNG	20/09/2005	Nam	9A11	7.75	7.75	8.25	0	39.75
16	108559	9	NGUYỄN MINH QUANG	16/01/2005	Nam	9A11	6.75	8.5	4.5	0	31
17	108743	17	LÊ TRẦN MAI THY	06/04/2005	Nữ	9A11	8	6.25	3	0	28.25
18	108783	18	TRẦN NGỌC KIỀU TRÂN	03/12/2005	Nữ	9A11	7.5	6	4.75	0	30.5
19	108808	20	ĐÌNH NGỌC BẢO TRINH	26/11/2005	Nữ	9A11	8	5	7.25	0	35.5
Tổng cộng có tất cả: 19 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS KIM ĐỒNG****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107798	2	NGUYỄN MAI ANH	27/01/2005	Nữ	9A12	6	7.25	6.25	0	31.75
2	107805	3	NGUYỄN XUÂN ANH	27/01/2005	Nữ	9A12	6.75	7	7.5	0	35.5
3	107822	3	VŨ NGUYỄN NGỌC ANH	09/08/2005	Nữ	9A12	7	7.75	8.5	0	38.75
4	107846	4	SƠN HỒ THIÊN BẢO	09/10/2005	Nam	9A12	5.25	7.75	8	0	34.25
5	107870	5	TRẦN BẢO CHÂU	03/03/2005	Nữ	9A12	7	8.5	5	0	32.5
6	107954	9	TRẦN PHAN ANH DUY	28/08/2005	Nam	9A12	6	7.25	6	0	31.25
7	108057	13	LƯƠNG QUỐC HÙNG	23/02/2005	Nam	9A12	7	8	8.25	0	38.5
8	108235	21	LÊ YẾN LINH	06/07/2005	Nữ	9A12	7.25	5.25	8	0	35.75
9	108239	21	PHÙNG QUANG TUYẾT LINH	02/01/2005	Nữ	9A12	7.5	6.25	7.75	1	37.75
10	108284	23	HOÀNG TUẤN MINH	29/10/2005	Nam	9A12	6.75	8.5	6.5	0	35
11	108285	23	HUỲNH NGỌC ÁNH MINH	17/01/2005	Nữ	9A12	6.5	7.5	6.75	0	34
12	108362	1	PHƯƠNG TRUNG NGHĨA	12/11/2005	Nam	9A12	7	4.5	4.5	0	27.5
13	108412	3	MAI HOÀNG NHÂN	21/02/2005	Nam	9A12	7.25	5.75	6.25	0	32.75
14	108433	4	NGUYỄN HỒ VÂN NHI	01/02/2005	Nữ	9A12	7.75	6.25	6.25	0	34.25
15	108442	4	VŨ YẾN NHI	27/02/2005	Nữ	9A12	8	4.5	6.5	0	33.5
16	108480	6	NGUYỄN TÂM PHÁT	07/08/2005	Nam	9A12	8.75	9	7.75	0	42
17	108487	6	ĐẶNG HOÀNG PHONG	08/04/2005	Nam	9A12	6.5	8.75	5.75	0	33.25
18	108556	9	PHAN NGUYỄN HOÀNG QUÂN	02/08/2005	Nam	9A12	7.5	8.75	7.75	0	39.25
19	108591	10	TRẦN TUỆ SAN	05/05/2005	Nữ	9A12	7.25	7	4.5	0	30.5
20	108720	16	NGUYỄN MINH THƯ	30/09/2005	Nữ	9A12	7	8	7	0	36
21	108753	17	TRẦN TRIỀU TIÊN	09/01/2005	Nữ	9A12	8.25	7.25	6.75	0	37.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108856	22	NGUYỄN ĐOÀN PHƯƠNG UYÊN	02/03/2005	Nữ	9A12	7	8.25	7.25	0	36.75
23	108874	22	HUỖNH THỊ TƯỜNG VI	22/09/2005	Nữ	9A12	7	5	4.5	1	29
Tổng cộng có tất cả: 23 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107763	1	TRƯƠNG NGHỊ AN	27/09/2005	Nam	9A2	7.25	4.25	5.25	1	30.25
2	107782	2	KHUU NGOC KIM ANH	06/12/2005	Nữ	9A2	5.5	4.25	2.25	0	19.75
3	107856	5	VĂN BỘI BỘI	08/09/2005	Nữ	9A2	6	4	2.75	1	22.5
4	107861	5	BÀNH LÝ BẢO CHÂU	13/07/2005	Nữ	9A2	7	3.25	3	1	24.25
5	107882	6	ĐINH KHÁNH ĐĂNG	24/09/2005	Nam	9A2	6	3	3.25	0	21.5
6	107893	6	ĐINH THIÊN ĐẠT	29/11/2005	Nam	9A2	5	2.5	2.75	1	19
7	107922	8	DƯƠNG ĐÌNH ĐỨC	30/12/2005	Nam	9A2	6.75	4.75	4.25	0	26.75
8	107986	10	MAI TRẦN BẢO HÂN	21/09/2005	Nữ	9A2	7.25	7	7.25	0	36
9	107999	11	VÕ GIA HÂN	03/04/2005	Nữ	9A2	8	4	2.5	1	26
10	108065	14	NGUYỄN NGÔ CHÍ HÙNG	07/07/2005	Nam	9A2	5.75	4.5	5.5	1	28
11	108108	15	NGUYỄN NGỌC LAN HUYỀN	25/03/2005	Nữ	9A2	7.75	8.25	8.5	0	40.75
12	108125	16	LÊ NGUYỄN GIA KHANG	06/11/2005	Nam	9A2	7	6.5	4.75	0	30
13	108180	18	HUỲNH HỮU KHÔI	30/07/2005	Nam	9A2	6.25	2	1.75	0	18
14	108200	19	HUỲNH NGỌC BẢO KHUYÊN	13/06/2005	Nữ	9A2	5.75	5	3.75	0	24
15	108204	19	HUỲNH VĨ KIẾT	26/09/2005	Nam	9A2	4.5	4.25	3.25	1	20.75
16	108214	20	LÊ VĨ KỲ	12/06/2005	Nữ	9A2	8.75	8	6.75	1	40
17	108232	21	HỒ THỊ MỸ LINH	16/09/2005	Nữ	9A2	6.75	4	3	0	23.5
18	108250	21	NGUYỄN TRẦN HOÀNG LONG	01/08/2005	Nam	9A2	5.75	3	6.5	0	27.5
19	108277	22	TRƯƠNG HUỆ MẪN	25/09/2004	Nữ	9A2	6	4.5	3.25	1	24
20	108315	24	ĐẶNG THANH HOÀNG NAM	09/12/2005	Nam	9A2	6.5	8.75	7	1	36.75
21	108408	3	PHẠM MỸ NHÀN	24/10/2005	Nữ	9A2	8.25	8.25	6.5	1	38.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108439	4	TRẦN THỊ THANH NHI	26/11/2005	Nữ	9A2	6.75	5.75	4	0	27.25
23	108446	4	CHUNG HUỆ NHƯ	07/01/2004	Nữ	9A2	7	4.25	6	1	31.25
24	108462	5	PHẠM THỊ TUYẾT NHUNG	30/03/2004	Nữ	9A2	6.5	3.25	2.25	0	20.75
25	108463	5	NGUYỄN HỒNG MINH NHỰT	19/12/2005	Nam	9A2	6	5.25	4.75	0	26.75
26	108468	5	LUU MỸ PHÂN	01/11/2005	Nữ	9A2	6.25	2.25	3	1	21.75
27	108485	6	TỪ GIA PHÁT	22/11/2005	Nam	9A2	5.75	3	5.5	1	26.5
28	108488	6	LIÊU CHÍ PHONG	18/05/2005	Nam	9A2	7	6.75	4.5	1	30.75
29	108493	6	TRẦN PHONG	14/06/2005	Nam	9A2	6.25	7	7.75	0	35
30	108525	8	DƯƠNG TIÊU PHỤNG	28/05/2005	Nữ	9A2	8	8.75	7.75	0	40.25
31	108529	8	VƯƠNG BÍCH PHỤNG	19/08/2005	Nữ	9A2	7.75	8.5	8	1	41
32	108710	15	HOÀNG MINH THƯ	28/06/2005	Nữ	9A2	6.5	4.25	2.5	0	22.25
33	108738	17	NGUYỄN PHẠM XUÂN THÙY	22/03/2005	Nữ	9A2	7.25	2.75	5	0	27.25
34	108827	20	NGUYỄN HOA CẨM TÚ	14/02/2005	Nữ	9A2	8	6.75	4.5	1	32.75
35	108828	20	NGUYỄN HOA THANH TÚ	14/02/2005	Nữ	9A2	7	3.75	3.5	1	25.75
Tổng cộng có tất cả: 35 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107821	3	VÒNG TUỆ ANH	30/09/2005	Nữ	9A3	7.75	7	7.5	1	38.5
2	107932	8	NGUYỄN HOÀNG DUNG	23/11/2005	Nữ	9A3	6.25	5.75	4.25	0	26.75
3	107934	8	ĐẶNG CHÍ DŨNG	27/10/2005	Nam	9A3	6.5	4.75	3.75	1	26.25
4	107993	11	NGUYỄN NGỌC BẢO HÂN	19/08/2005	Nữ	9A3	7.25	4	3	0	24.5
5	108010	11	LÊ DƯƠNG TUẤN HÀO	23/08/2005	Nam	9A3	7.5	4.5	7.5	0	34.5
6	108045	13	TRẦN BÁCH HOÀNG	02/02/2005	Nam	9A3	4.75	4.5	2.75	1	20.5
7	108050	13	NGUYỄN THỊ NHƯ HỒNG	05/12/2005	Nữ	9A3	7.5	3	3	0	24
8	108066	14	NGUYỄN TẤN HƯNG	29/01/2005	Nam	9A3	6	5.25	3.25	0	23.75
9	108086	14	HUỖNH GIA HUY	09/10/2005	Nam	9A3	7.75	6.25	7	1	36.75
10	108114	16	NGUYỄN MINH KHẢI	19/07/2005	Nam	9A3	5.75	5.5	5.25	0	27.5
11	108201	19	ANH TUẤN KIẾT	14/06/2004	Nam	9A3	5.5	7.5	3.5	1	26.5
12	108215	20	NGŨ GIA KỲ	23/06/2005	Nữ	9A3	6.75	2.75	4	1	25.25
13	108257	22	TRƯƠNG THÀNH LONG	04/02/2005	Nam	9A3	7	7.75	7	0	35.75
14	108314	24	LÝ NIỆM NA	25/12/2004	Nữ	9A3	7.5	3.25	4.75	1	28.75
15	108356	1	TRƯƠNG GIA NGHI	27/05/2005	Nữ	9A3	8	5.25	4.25	1	30.75
16	108403	3	VĂN CÔNG HÀO NGUYỄN	03/05/2005	Nam	9A3	6	3.25	6	0	27.25
17	108444	4	NGUYỄN NGỌC AN NHIÊN	24/07/2005	Nữ	9A3	8	4	6	0	32
18	108454	5	PHÙNG NGỌC KHÁNH NHƯ	13/07/2005	Nữ	9A3	3.75	2	2	0	13.5
19	108511	7	NGUYỄN HỒNG PHÚC	12/10/2005	Nam	9A3	7.5	7.25	7	0	36.25
20	108551	9	HỒ ĐÔNG QUÂN	16/08/2005	Nam	9A3	8	7	8.25	0	39.5
21	108557	9	TRẦN THÁI THIỆN QUÂN	08/03/2005	Nam	9A3	6.5	3.75	4.5	0	25.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108564	9	LÂM ĐỨC QUÍ	09/06/2005	Nam	9A3	6.5	1.75	2.5	0	19.75
23	108590	10	TẶNG VY SAN	18/01/2005	Nữ	9A3	8.25	7.5	7.75	1	40.5
24	108608	11	TẶNG PHÚC TÀI	19/09/2005	Nam	9A3	5.75	3.25	4.75	0	24.25
25	108609	11	TRẦN ĐẠI TÀI	08/01/2005	Nam	9A3	7.5	3.5	4.5	0	27.5
26	108622	12	TRỊNH THÁI THY TÂM	03/12/2005	Nữ	9A3	8	5	5.75	0	32.5
27	108647	13	LA GIA THÀNH	06/06/2003	Nam	9A3	6	4	3.75	1	24.5
28	108667	14	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	30/12/2005	Nữ	9A3	5.75	2.75	1.5	0	17.25
29	108694	15	VÕ GIA THỊNH	04/11/2005	Nam	9A3	7	8.75	3	1	29.75
30	108714	16	MAI BÌNH MINH THU	06/12/2005	Nữ	9A3	4.75	3.25	2.25	0	17.25
31	108721	16	NGUYỄN NGÔ MỸ THU	31/03/2005	Nữ	9A3	7.75	6	4	1	30.5
32	108762	18	MAI TUYẾT TỊNH	29/07/2005	Nữ	9A3	7.25	2.25	1.75	1	21.25
33	108793	19	CHÂU NGUYỄN MINH TRÍ	22/08/2005	Nam	9A3	5.5	3.75	2	0	18.75
34	108798	19	NGUYỄN PHONG TRÍ	13/12/2004	Nam	9A3	7	4	7	0	32
35	108851	21	TRẦN HOÀN BỬU TUYẾT	09/05/2005	Nữ	9A3	5.75	2.25	1.75	0	17.25
36	108873	22	ĐỖ HOÀNG KHANH VI	18/04/2005	Nữ	9A3	8.75	8	6.75	0	39
37	108929	25	HUỲNH BỬU YẾN	09/09/2005	Nữ	9A3	7.25	5.75	4.25	1	29.75
Tổng cộng có tất cả: 37 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107826	4	CHÂU QUỐC BẢO	26/04/2005	Nam	9A4	7.25	5.25	6	1	32.75
2	107849	5	TRẦN VÕ HOÀI BẢO	23/03/2005	Nam	9A4	6.25	2.5	3.25	0	21.5
3	107852	5	NGUYỄN KIẾN BÌNH	28/10/2005	Nam	9A4	7.25	7.25	4.25	0	30.25
4	107914	7	DƯƠNG THI ĐÌNH	27/07/2005	Nữ	9A4	5.75	5.5	1.75	1	21.5
5	107937	8	TRẦN ANH DŨNG	05/05/2005	Nam	9A4	5.5	8	4	0	27
6	108011	11	LƯƠNG THIỆU HÀO	09/09/2005	Nam	9A4	7	4	5	1	29
7	108077	14	CHÂU NGUYỄN VIỆT HUY	05/06/2005	Nam	9A4	5.5	5.5	6.25	0	29
8	108172	18	TRẦN ANH KHOA	20/02/2005	Nam	9A4	7.5	4.25	6	0	31.25
9	108223	20	TRẦN NGỌC BẢO LÂM	01/07/2005	Nam	9A4	6.5	7	5.25	0	30.5
10	108242	21	GIANG VẠN LỘC	24/12/2005	Nam	9A4	6.5	4.75	4.5	1	27.75
11	108244	21	TRẦN TUẤN LỘC	11/11/2005	Nam	9A4	5	3	1	0	15
12	108274	22	GIANG THỰC MẪN	03/06/2005	Nữ	9A4	7.5	5.75	6.75	1	35.25
13	108293	23	PHAN TẤN MINH	02/01/2005	Nam	9A4	6.5	4.5	5.75	0	29
14	108321	24	PHAN THÀNH NAM	29/07/2005	Nam	9A4	7	3.75	1.75	0	21.25
15	108401	3	TRẦN KÍNH KHÔI NGUYỄN	11/12/2005	Nam	9A4	6.25	5.5	6	1	31
16	108437	4	TRẦN DIỄM NHI	17/12/2005	Nữ	9A4	8	7.25	7.5	1	39.25
17	108456	5	TRẦN BỬU NHƯ	18/10/2005	Nữ	9A4	7	7.25	8	1	38.25
18	108498	7	QUÁCH VĨNH PHÚ	26/02/2005	Nam	9A4	6	2.25	3.75	1	22.75
19	108507	7	LƯ VĨNH PHÚC	12/10/2005	Nam	9A4	7	3.5	4	1	26.5
20	108538	8	NGUYỄN NGỌC HÀ PHƯƠNG	04/02/2005	Nữ	9A4	8	4	3	0	26
21	108539	8	NGUYỄN NGỌC LAN PHƯƠNG	21/06/2005	Nữ	9A4	5.75	2.25	2.5	0	18.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108572	10	LƯƠNG MỸ QUYÊN	12/04/2005	Nữ	9A4	7	6.5	7	1	35.5
23	108594	11	NGUYỄN NGỌC SANG	30/11/2005	Nam	9A4	7.5	8	7.25	0	37.5
24	108607	11	NGUYỄN LÊ THÀNH TÀI	29/03/2005	Nam	9A4	6.75	4.25	5.25	0	28.25
25	108665	14	LÊ TRẦN BÍCH THẢO	29/01/2005	Nữ	9A4	7.5	3	2	1	23
26	108700	15	HUỲNH HOÀNG THÔNG	08/11/2005	Nam	9A4	8.25	7.5	7	0	38
27	108732	16	PHƯƠNG DƯ THUẬN	05/08/2005	Nam	9A4	6	5.25	4.75	1	27.75
28	108742	17	DU MỸ THY	21/02/2005	Nữ	9A4	7.75	5.5	5	1	32
29	108758	17	NGUYỄN QUANG NHỰT TIẾN	03/05/2005	Nam	9A4	7.25	4	5.5	0	29.5
30	108871	22	ĐUỜNG TRỊNH VĂN	12/05/2005	Nữ	9A4	7	3.5	3.25	1	25
31	108875	22	NGUYỄN THẢO VI	27/10/2005	Nữ	9A4	7.75	6.5	3.75	0	29.5
32	108876	22	CHIÊU MINH VĨ	09/01/2005	Nam	9A4	6.25	2.75	4	0	23.25
Tổng cộng có tất cả: 32 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107765	1	HÀ LỆ ÂN	20/07/2005	Nữ	9A5	7	6	4	1	29
2	107771	1	TAN HẢI ÂN	29/09/2005	Nữ	9A5	9	9.25	7.5	1	43.25
3	107830	4	HOÀNG GIA BẢO	27/12/2005	Nam	9A5	6.5	6.75	5	0	29.75
4	107855	5	TRẦN TUỆ BÌNH	26/12/2005	Nữ	9A5	6.75	4.75	8.25	1	35.75
5	107859	5	LÊ HỨA TẤN CẢNH	21/11/2003	Nam	9A5	7.25	8	8.25	0	39
6	107877	6	DƯƠNG QUỐC CHIÊU	25/03/2004	Nam	9A5	5.25	8.25	4.5	1	28.75
7	107917	7	LÝ TÔN ĐÌNH	16/03/2005	Nam	9A5	5.75	2.25	2.25	1	19.25
8	107933	8	TRƯƠNG LỆ DUNG	27/06/2005	Nữ	9A5	7	6.25	6.75	1	34.75
9	107984	10	LÔ GIA HÂN	27/02/2005	Nữ	9A5	7.5	3.25	4.25	1	27.75
10	108092	15	LÝ GIA HUY	06/03/2005	Nam	9A5	6	4.5	3	1	23.5
11	108119	16	DƯƠNG QUÝ KHANG	03/12/2005	Nam	9A5	5.75	5.25	3	1	23.75
12	108124	16	LÂM GIA KHANG	25/07/2005	Nam	9A5	5.5	6	7	1	32
13	108148	17	NGUYỄN NGỌC VÂN KHÁNH	21/06/2005	Nữ	9A5	7.25	4.75	6.25	0	31.75
14	108192	19	TRẦN NGUYỄN ANH KHÔI	04/09/2005	Nam	9A5	5	2.75	2.5	0	17.75
15	108194	19	VÕ ĐÌNH KHÔI	08/10/2005	Nam	9A5	6.75	8.25	7.75	0	37.25
16	108240	21	TỔNG NGUYỄN YẾN LINH	16/09/2005	Nữ	9A5	5.25	3.75	2.25	0	18.75
17	108294	23	TẮT GIA MINH	04/04/2005	Nam	9A5	6.5	3.5	2	1	21.5
18	108312	24	NGUYỄN HUỲNH MỸ MỸ	04/09/2005	Nữ	9A5	8	7.75	8.5	0	40.75
19	108346	25	LƯƠNG DIỆP KIM NGHI	08/07/2005	Nữ	9A5	7.25	3.25	5.5	1	29.75
20	108354	1	SLIU TỊNH NGHI	26/01/2005	Nữ	9A5	7.5	7.5	8	1	39.5
21	108416	3	THÁI THÀNH NHÂN	27/01/2005	Nam	9A5	7.5	7.25	7.25	0	36.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108450	5	MA NGỌC THẢO NHƯ	26/12/2005	Nữ	9A5	7.5	6.25	6	0	33.25
23	108516	7	PHẠM THIÊN PHÚC	13/10/2005	Nam	9A5	6.25	4.25	3.25	1	24.25
24	108524	8	VƯƠNG TUY PHÚC	21/08/2005	Nam	9A5	7	6.5	4	1	29.5
25	108537	8	NGUYỄN LỮ NAM PHƯƠNG	22/02/2005	Nữ	9A5	6.75	7.75	8	0	37.25
26	108648	13	LAI CHÍ THÀNH	20/01/2005	Nam	9A5	6	2.25	5	1	25.25
27	108754	17	BÙI MINH TIỀN	19/04/2005	Nam	9A5	8	3	3.75	0	26.5
28	108815	20	NGUYỄN NGỌC THANH TRÚC	15/01/2005	Nữ	9A5	8	6.25	5.25	0	32.75
29	108837	21	LÂM GIA TUẤN	15/10/2005	Nam	9A5	0	4	6	1	17
30	108890	23	TRẦN TRÍ VINH	26/09/2005	Nam	9A5	7.25	6	6	1	33.5
Tổng cộng có tất cả: 30 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107768	1	NGUYỄN NGỌC GIA ÂN	06/09/2005	Nữ	9A6	7.5	3.5	3.75	1	27
2	107912	7	TẮT KHOÁNG DIỆU	25/05/2005	Nữ	9A6	7.25	6.5	4.5	1	31
3	107929	8	TRƯƠNG TRẦN QUANG ĐỨC	19/10/2005	Nam	9A6	0	0	0	0	0
4	107931	8	LƯU HỒNG DUNG	17/10/2005	Nữ	9A6	7	8	5.5	1	34
5	107961	9	TRẦN YẾN DUYÊN	24/04/2005	Nữ	9A6	8	8	8.75	1	42.5
6	107962	9	ĐOÀN NGỌC HOÀNG GIA	04/04/2005	Nam	9A6	8	2.75	3.5	0	25.75
7	108034	12	HÀ NHƯ HOA	29/08/2005	Nữ	9A6	8.25	7.25	8.25	0	40.25
8	108036	12	LÝ MỸ HOA	07/07/2005	Nữ	9A6	7.5	5.25	3	1	27.25
9	108083	14	GIANG KIÊN HUY	28/04/2004	Nam	9A6	6.5	6.5	2	1	24.5
10	108094	15	NGÔ ANH HUY	12/02/2004	Nam	9A6	6	6.75	3.5	1	26.75
11	108110	15	TRẦN LÊ NHƯ HUỖNH	14/12/2005	Nữ	9A6	7.5	3.25	2.5	0	23.25
12	108153	17	TRẦN VŨ QUỐC KHÁNH	21/02/2005	Nam	9A6	7.25	7.75	5.25	0	32.75
13	108234	21	KHUU GIA LINH	08/05/2005	Nữ	9A6	6	3.25	2.5	1	21.25
14	108282	23	DƯƠNG NGỌC MINH	09/02/2005	Nam	9A6	6	3.25	3	0	21.25
15	108302	23	HUỖNH UYÊN MY	06/06/2005	Nữ	9A6	6.75	8.75	8.25	1	39.75
16	108320	24	PHẠM TƯỜNG NAM	31/08/2005	Nam	9A6	6	3.75	3.25	0	22.25
17	108347	25	LƯU UYÊN NGHI	10/05/2005	Nữ	9A6	7.75	4.25	5	1	30.75
18	108378	2	NGUYỄN KIM NGỌC	20/09/2005	Nữ	9A6	6	3.75	2.25	1	21.25
19	108431	4	LÊ NGUYỄN NGỌC NHI	27/11/2005	Nữ	9A6	7.25	5.5	8	0	36
20	108481	6	TÂN THÀNH PHÁT	06/12/2005	Nam	9A6	6	4.25	2.5	1	22.25
21	108558	9	HUỖNH NHẬT QUANG	30/08/2005	Nam	9A6	6.75	3.75	2.75	0	22.75

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108563	9	LÊ THÀNH QUI	20/08/2005	Nam	9A6	5.5	4	6.25	1	28.5
23	108599	11	DIỆP NGÂN SIU	24/07/2005	Nữ	9A6	5.5	3	2	1	19
24	108644	13	QUẢNG THỊ KIM THANH	16/12/2005	Nữ	9A6	6	3.25	3	0	21.25
25	108650	13	LIÊU KIM THÀNH	21/11/2005	Nam	9A6	6.25	2.5	4	1	24
26	108658	13	NGUYỄN THỊ THU THẢO	28/12/2005	Nữ	9A6	7.75	4.75	7	0	34.25
27	108698	15	PHAN MINH THỌ	14/02/2005	Nam	9A6	5.5	2.75	2.75	0	19.25
28	108739	17	ĐẶNG TRỌNG THỦY	25/11/2005	Nữ	9A6	6.25	3	7.25	0	30
29	108770	18	PHẠM NGỌC TRÂM	19/12/2005	Nữ	9A6	7.25	6.75	6.75	0	34.75
30	108775	18	VŨ TRẦN QUỲNH TRÂM	08/10/2005	Nữ	9A6	7.25	2.75	5.5	0	28.25
31	108776	18	NGUYỄN DƯƠNG HƯƠNG TRÂM	23/10/2005	Nữ	9A6	6.25	5	3	0	23.5
32	108791	19	TRẦN THỊ THÙY TRANG	24/12/2005	Nữ	9A6	8	8.75	8	1	41.75
33	108795	19	LÊ MINH TRÍ	26/04/2005	Nam	9A6	7.25	7.25	7.5	0	36.75
34	108918	24	NGUYỄN TƯỜNG VY	30/05/2005	Nữ	9A6	6.5	4	3.5	0	24
35	108925	24	VŨ NGỌC THÚY VY	27/06/2005	Nữ	9A6	6.5	2.5	1.75	0	19
36	108931	25	MẠC GIA YẾN	31/08/2005	Nữ	9A6	6.25	4.5	3.75	1	25.5
Tổng cộng có tất cả: 36 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020**BẢNG KẾT QUẢ****Trường: THCS KIM ĐỒNG****Loại hình: Tuyển sinh 10**

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107753	1	CHUNG QUÝ AN	29/05/2005	Nam	9A8	7.5	7.75	6.25	1	36.25
2	107758	1	MAI NGỌC SƠN AN	03/03/2005	Nam	9A8	7	5.5	3.75	0	27
3	107779	2	HUỲNH ĐỨC ANH	09/06/2005	Nam	9A8	7.25	4.5	5.5	0	30
4	107840	4	NGUYỄN THÁI BẢO	03/02/2005	Nam	9A8	6.75	4	1.5	0	20.5
5	107868	5	NGUYỄN MINH CHÂU	31/05/2005	Nữ	9A8	7.5	4.75	4.75	0	29.25
6	107880	6	TRƯƠNG CHÍ CƯỜNG	23/10/2005	Nam	9A8	6	5.25	4.75	1	27.75
7	107952	9	NGUYỄN TRỌNG DUY	18/05/2005	Nam	9A8	5	5	7.5	0	30
8	107974	10	NGUYỄN XUÂN TRƯỜNG HẢI	19/05/2005	Nam	9A8	8	7	3.75	0	30.5
9	107989	10	NGUYỄN LÊ GIA HÂN	12/11/2005	Nữ	9A8	6.75	3.75	5.75	0	28.75
10	108003	11	HOÀNG VŨ MỸ HẠNH	27/06/2005	Nữ	9A8	7.25	2.75	2.25	0	21.75
11	108032	12	NGUYỄN TRUNG HIẾU	17/06/2005	Nam	9A8	6.5	4	4.5	0	26
12	108046	13	TRẦN CÔNG MINH HOÀNG	28/05/2005	Nam	9A8	7	7	5.75	0	32.5
13	108116	16	CHU GIA KHANG	09/09/2005	Nam	9A8	6.5	3.5	4.75	1	27
14	108123	16	LÂM CHÍ KHANG	25/08/2005	Nam	9A8	7.75	4.75	3.5	1	28.25
15	108154	17	HÀ TUẤN KHIÊM	27/12/2005	Nam	9A8	7.25	5.75	6.25	0	32.75
16	108331	25	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	08/06/2005	Nữ	9A8	6.5	3.25	2.25	0	20.75
17	108368	1	LÊ THỊ BẢO NGỌC	15/06/2005	Nữ	9A8	7	5	2	1	24
18	108388	2	TRẦN MINH NGỌC	18/08/2005	Nữ	9A8	5.5	4	3.25	0	21.5
19	108391	2	LÊ NGỌC KIM NGUYỄN	06/05/2005	Nữ	9A8	6.75	2.75	2	0	20.25
20	108397	2	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	15/06/2005	Nữ	9A8	5.25	3.5	2	0	18
21	108410	3	ĐỖ TRỌNG NHÂN	26/05/2005	Nam	9A8	7.5	5.25	2	0	24.25

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108418	3	TRẦN HỮU NHÂN	06/03/2005	Nam	9A8	6.5	5.5	3.5	0	25.5
23	108489	6	LƯU VĨNH PHONG	23/02/2005	Nam	9A8	5.75	7	6.25	1	32
24	108502	7	DƯƠNG TRƯỞNG BẢO PHÚC	27/11/2005	Nam	9A8	7.25	5.5	2.5	1	26
25	108517	7	TRẦN CÔNG HOÀNG PHÚC	28/05/2005	Nam	9A8	6.5	4.5	6.25	0	30
26	108610	11	TRẦN TUẤN TÀI	14/12/2005	Nam	9A8	6	4	5.75	0	27.5
27	108611	11	HỒ THỊ MỸ TÂM	28/06/2005	Nữ	9A8	6.75	3.5	4.75	0	26.5
28	108670	14	VÕ NHƯ THẢO	29/03/2005	Nữ	9A8	6.5	4.75	2	0	21.75
29	108674	14	PHẠM NGUYỄN NHỰT THI	18/12/2005	Nữ	9A8	7.5	3.75	4.75	0	28.25
30	108681	14	DƯƠNG ĐỨC THỊNH	08/02/2005	Nam	9A8	7.25	5.75	6	1	33.25
31	108699	15	LÊ MINH THỐI	06/11/2005	Nam	9A8	7.5	3.75	5.5	0	29.75
32	108711	15	HUỲNH TRƯỞNG MINH THƯ	23/04/2005	Nữ	9A8	6.75	3	2	0	20.5
33	108715	16	NGUYỄN ANH THƯ	03/04/2005	Nữ	9A8	7.5	8.75	6.5	1.5	38.25
34	108789	19	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	01/10/2005	Nữ	9A8	6.5	3.75	4.25	0	25.25
35	108813	20	CHÂU QUÝ TRỌNG	04/07/2005	Nam	9A8	6.25	2.5	0.75	1	17.5
36	108824	20	HỒ THỊ MỸ TÚ	28/06/2005	Nữ	9A8	6.75	6	5.75	0	31
37	108863	22	DU THANH VÂN	23/03/2005	Nữ	9A8	7.25	4.25	6.25	1	32.25
38	108864	22	LƯƠNG THANH VÂN	17/08/2005	Nữ	9A8	8	2.5	7.25	0	33
39	108899	23	BÙI NGUYỄN TƯỜNG VY	14/02/2005	Nữ	9A8	7	3.75	2.25	0	22.25
Tổng cộng có tất cả: 39 học sinh.											

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

STT	SBD	Phòng	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Lớp	Văn	Ngoại ngữ	Toán	UTKK	Tổng điểm
1	107789	2	LƯƠNG QUỲNH ANH	01/01/2005	Nữ	9A9	7.75	7.75	7	0	37.25
2	107858	5	PHAN THANH VIỆT CA	27/02/2005	Nữ	9A9	7.75	6.25	8	0	37.75
3	107935	8	LÊ QUANG DŨNG	29/06/2005	Nam	9A9	5.75	7	7	0	32.5
4	107970	10	TRẦN ĐỖ NHƯ HÀ	12/01/2005	Nữ	9A9	7	6.5	2.5	0	25.5
5	107980	10	HỒ NGỌC HÂN	16/09/2005	Nữ	9A9	7.25	5.25	7.5	0	34.75
6	107982	10	HUỲNH HÂN HÂN	04/07/2005	Nữ	9A9	8	3.5	5.5	1	31.5
7	108015	11	TRƯƠNG TUẤN HÀO	19/09/2005	Nam	9A9	6	4.75	6.75	1	31.25
8	108038	12	LÊ VIỆT HOÀNG	27/07/2005	Nam	9A9	6.75	6.5	3.75	0	27.5
9	108064	14	NGUYỄN LÊ HÙNG	22/12/2005	Nam	9A9	7	7.75	7.5	0	36.75
10	108075	14	QUÁCH THU HƯƠNG	03/05/2005	Nữ	9A9	7.25	5	4.75	1	30
11	108137	17	THÁI TRIỂN KHANG	07/02/2005	Nam	9A9	6	7.5	7.25	0	34
12	108205	19	LÊ GIA KIẾT	02/03/2005	Nam	9A9	7	7.25	5	0	31.25
13	108245	21	VƯƠNG THÀNH LỘC	10/07/2005	Nam	9A9	6.5	7.75	7	1	35.75
14	108297	23	VÕ CAO MINH	01/09/2005	Nữ	9A9	7	6.75	6.5	0	33.75
15	108330	25	LÊ THỊ KIM NGÂN	05/06/2005	Nữ	9A9	7.25	4.5	4.75	0	28.5
16	108415	3	NGUYỄN MINH NHÂN	07/11/2005	Nam	9A9	6	6.5	5	0	28.5
17	108422	3	TÔN LÂM HOÀNG NHẬT	13/02/2005	Nam	9A9	7.5	6.75	7	0	35.75
18	108430	4	HUỲNH NGUYỄN QUỲNH NHI	24/03/2005	Nữ	9A9	6.75	3.75	2.25	0	21.75
19	108460	5	TRƯƠNG NGỌC NHƯ	02/07/2005	Nữ	9A9	7.25	5.75	6.75	1	34.75
20	108501	7	ĐOÀN THANH PHÚC	19/01/2005	Nam	9A9	7	7.75	6	0	33.75
21	108668	14	NGUYỄN THANH THẢO	07/11/2005	Nữ	9A9	8	8	6.5	0	37

TUYỂN SINH 10 KHÓA NGÀY 16/07/2020

BẢNG KẾT QUẢ

Trường: THCS KIM ĐỒNG

Loại hình: Tuyển sinh 10

22	108716	16	NGUYỄN HOÀNG KIM THƯ	29/05/2005	Nữ	9A9	7.5	7.75	6	0	34.75
23	108786	19	ĐỖ TRẦN HÀ TRANG	17/03/2005	Nữ	9A9	8.25	6.5	7	0	37
24	108861	22	TRIỆU LÊ UYÊN	19/05/2005	Nữ	9A9	8.5	9	9.5	1	46
25	108904	24	LÂM HUỖNH THANH VY	30/01/2005	Nữ	9A9	7.75	6.75	7	0	36.25
Tổng cộng có tất cả: 25 học sinh.											

